

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 51 /2020/DS-ST

Ngày 09 / 9 /2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Xuyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2. ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: bà Mai Thị Thanh Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2020/DS-ST, ngày 04/6/2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa ra xét xử số 75/2020 /QĐST-DS ngày 13 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

[1]. Nguyên Đơn: chị Lê Thị D; Sinh năm 1977 (có mặt)
anh Phạm Văn C; Sinh năm 1975(có mặt)

Địa chỉ : thôn 2, xã D L, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2.] Bị đơn: chị Phạm Thị Thanh Kh ; Sinh năm 1971(vắng mặt)
anh Trần Văn Ng; Sinh năm 1971(có mặt)

Địa chỉ : thôn 2, xã D L, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 26/8/2019 Tôi có cho chị Phạm Thị Thanh Kh và anh Trần Văn Ng vay số tiền 400.000.000đ, ngày trả cuối cùng là 26/9/2019, lãi suất 2%/1 tháng, khi vay có lập giấy vay tiền, các bên có ký nhận, từ khi vay đến nay bị đơn chưa trả gốc và lãi. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Thanh Kh, anh Trần Văn Ng phải liên đới trả toàn bộ số tiền gốc đã vay 400.000.000đ, tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ khi vay đến nay.

Bị đơn chị Phạm Thị Thanh Kh trình bày: Tôi có ký vào giấy vay tiền với chị Lê Thị D và anh Phạm Văn C ngày 26/8/2019 là đúng, số tiền vay 400.000.000đ là đúng, có thỏa

thuận về lãi suất 2%/1 tháng, tôi là người nhận tiền tôi chịu trách nhiệm trả nợ, nhưng tôi xin trả dần vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh Trần Văn Ng chỉ là người làm chứng.

Bị đơn anh Trần Văn Ng trình bày nội dung: Ngày 26/8/2019 Tôi cùng cô Khương có ký vào giấy vay tiền của cô Duyên và anh Cần, nhưng tôi chỉ là người làm chứng, tôi không vay tiền, tôi không nhận tiền, tôi không chịu trách nhiệm trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền bị đơn đã vay 400.000.000đ :

Xét thấy bị đơn thừa nhận trong hợp đồng giấy vay tiền mà các bên đã lập ngày 26/8/2019 là đúng, có ký nhận vào giấy là đúng, chị Phạm Thị Thanh Kh có nhận tiền từ chị Lê Thị D và anh Phạm Văn C là đúng, nhưng anh Trần Văn Ng và chị Phạm Thị Thanh Kh cho rằng anh Nguyễn chỉ là người làm chứng, nguyên đơn không thừa nhận anh Nguyễn là người làm chứng. Trong giấy vay tiền ngày 26/8/2019 các bên có ghi rõ nội dung bên vay tiền (Bên B) nội dung họ tên Phạm Thị Thanh Khương cùng Trần Văn Ng....và phần cuối cùng của giấy vay tiền bên B đã ký và ghi rõ họ tên Phạm Thị Thanh Khương, Trần Văn Ng, bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh anh Trần Văn Ng chỉ là người làm chứng trong hợp đồng vay tiền nêu trên.

Như vậy theo giấy vay tiền ngày 26/8/2019 mà các bên đã ký nhận thì chị Phạm Thị Thanh Kh cùng anh Trần Văn Ng đã vay tiền của chị Duyên và anh Cần đến nay chưa trả, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn liên đới trả nguyên đơn số tiền đã vay 400.000.000đ.

Về số tiền lãi: Do có tranh chấp bị đơn không đồng ý trả nợ nên cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự, từ ngày 26/8/2019 đến nay 09/9/2020 là 12 tháng 14 ngày, cụ thể:

$$400.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 41.389.333đ$$

Tổng cộng số tiền mà bị đơn phải liên đới trả cho nguyên đơn là 441.389.333đ

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là: 21.655.573đ

Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Phạm Thị Thanh Kh , anh Trần Văn Ng phải liên đới trả cho chị Lê Thị D, anh Phạm Văn C số tiền gốc đã vay 400.000.000đ, tiền lãi 41.389.333đ, Tổng cộng 441.389.333đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn chị Phạm Thị Thanh Kh , anh Trần Văn Ng phải liên đới nộp tiền án phí DSST là 21.655.573đ. Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010383 ngày 04/6/2020.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

Trần Văn Xuyên

